

Tuyên Quang, ngày tháng 3 năm 2026

ĐỀ ÁN

**Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang)

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI "Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế" đề ra mục tiêu: "*Phát triển giáo dục mầm non dưới 5 tuổi có chất lượng phù hợp với điều kiện của từng địa phương và cơ sở giáo dục*".

Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI "Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế" xác định: "*Từng bước phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 3, 4 tuổi*".

Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, xác định các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030: "*Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi*".

Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, có mục tiêu đến năm 2030 "*Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi*".

Thời gian qua tỉnh Tuyên Quang đã đạt được thành tựu quan trọng về giáo dục và đào tạo nói chung và giáo dục mầm non (GDMN) nói riêng, tạo nền tảng vững chắc, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho địa phương và cho cả nước. Hệ thống mạng lưới trường lớp đã phủ rộng trong toàn tỉnh, cơ bản đáp ứng được nhu cầu hiện tại của trẻ ra lớp; tỷ lệ huy động trẻ em ra lớp ngày càng tăng, chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục được nâng lên; trẻ em là người dân tộc thiểu số được quan tâm; hoàn thành phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo 5 tuổi từ năm 2015.

Tuy nhiên, GDMN của tỉnh vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, mặc dù tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ cao hơn tỷ lệ bình quân cả nước 4,9%, nhưng còn khoảng gần 60% trẻ em nhà trẻ trong độ tuổi trên địa bàn tỉnh chưa được tiếp

cận giáo dục (*tập trung nhiều ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số*); chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ chưa đồng đều giữa các vùng, địa phương trong tỉnh, trẻ em là người dân tộc thiểu số chưa thành thạo tiếng Việt trước khi đến lớp còn khoảng 25,3%; các điều kiện đảm bảo việc huy động trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi cần phải tiếp tục được quan tâm, nhất là về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi; chế độ chính sách đối với giáo viên mầm non; về việc đảm bảo số lượng và chất lượng của đội ngũ giáo viên mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Do đó, việc xây dựng và triển khai Đề án “*Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang*” là giải pháp quan trọng để cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội, phấn đấu hoàn thành mục tiêu tỉnh Tuyên Quang đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trước năm 2030.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

1.1. Cơ sở chính trị

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI "về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế".

Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 05/01/2024 của Bộ Chính trị về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông.

Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 10/10/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030.

Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 18/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

1.2. Cơ sở pháp lý

Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/06/2019; Luật số 123/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 14/6/2019.

Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15 ngày 16/6/2025.

Luật Trẻ em số 102/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016.

Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ ban hành Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.

Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

Quyết định số 2270/QĐ-TTg ngày 14/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình “Nâng cao chất lượng GDMN ở địa bàn đô thị, khu công nghiệp giai đoạn 2025-2035, định hướng đến năm 2045”.

Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo (*Có danh mục tại Phụ lục 01 kèm theo*).

Phần thứ hai

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN GDMN VÀ PHỔ CẬP GDMN CHO TRẺ 5 TUỔI ĐẾN NĂM 2025

I. THỰC TRẠNG

1. Quy mô mạng lưới trường, lớp

Năm học 2025–2026, tỉnh Tuyên Quang có mạng lưới trường, lớp mầm non được củng cố, mở rộng và phân bố đến 124 xã, phường, cơ bản đáp ứng yêu cầu duy trì phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi và tạo tiền đề triển khai phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Về quy mô cơ sở GDMN: Toàn tỉnh có tổng 360 trường mầm non (*gồm 354 trường công lập, 06 trường ngoài công lập*) và 91 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập, tư thục, 1.088 điểm trường lẻ. Phần lớn các điểm trường lẻ có quy mô nhỏ, phân tán, tập trung tại các xã vùng sâu, vùng xa, gây khó khăn trong việc đầu tư cơ sở vật chất đồng bộ và bố trí đội ngũ giáo viên theo định mức.

Về nhóm, lớp: Toàn tỉnh có tổng số 5.154 nhóm, lớp (*công lập: 4.975, ngoài công lập: 179*), trong đó có 1.381 nhóm trẻ và 3.775 lớp mẫu giáo. Quy mô nhóm, lớp tại một số địa bàn chưa ổn định, còn nhiều lớp có số trẻ ít, đặc biệt tại các xã vùng khó khăn, biên giới.

Về học sinh: Tính đến tháng 12/2025, toàn tỉnh có 117.817 trẻ, trong đó trường công lập có 113.693 trẻ, cơ sở ngoài công lập 4.124 trẻ; 27.313 trẻ nhà trẻ (*đạt 23,2%*) và 90.504 trẻ mẫu giáo (*đạt 76,8%*).

Tính đến tháng 12/2025, toàn tỉnh huy động 117.817/164.414¹ trẻ em trong độ tuổi mầm non đến các cơ sở giáo dục để thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non, đạt tỷ lệ 71,65%².

Công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia được quan tâm thực hiện. Tính đến tháng 12/2025, cấp học mầm non có 231/354 trường đạt chuẩn quốc gia (*đạt 65,3%*), trong đó có 38 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 (*16,52%*).

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều trường mầm non có quy mô nhỏ, nhiều điểm trường lẻ; còn 59/1088 điểm trường chưa có sân chơi; số cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập còn ít, chủ yếu tập trung tại các phường, đô thị, chưa đáp ứng nhu cầu gửi trẻ. Trong bối cảnh đô thị hóa và biến động dân cư, mạng lưới trường, lớp mầm non cần tiếp tục được rà soát, sắp xếp và đầu tư phù hợp để đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trong giai đoạn tới.

2. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý

Hiện nay, toàn tỉnh có 10.411 cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên cấp học mầm non³; tỷ lệ giáo viên đạt 1,67 giáo viên/nhóm, lớp, chưa đáp ứng định mức theo quy định, ảnh hưởng đến việc tổ chức học 2 buổi/ngày và triển khai các điều kiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, nhất là các trường có nhiều điểm trường lẻ.

Trình độ đào tạo của đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non từng bước được nâng cao. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn, trên chuẩn về trình độ đào tạo cấp mầm non đạt 99,3%.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non nhìn chung có phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao, tâm huyết với nghề; chủ động tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp giáo dục mầm non. Công tác quản lý, chỉ đạo chuyên môn tại các cơ sở giáo dục mầm non được tăng cường, vai trò của cán bộ quản lý trong tổ chức thực hiện chương trình và kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo

¹. Trong đó trường công lập có 113.693 trẻ, cơ sở ngoài công lập 4.124 trẻ; 27.313 trẻ nhà trẻ (*đạt 23,2%*) và 90.504 trẻ mẫu giáo (*đạt 76,8%*).

². Trong đó, số trẻ nhà trẻ là 27.313/70.654 trẻ, đạt tỷ lệ 38,7%; số trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi là 90.504/93.760 trẻ, đạt tỷ lệ 96,5%.

³. Trong đó có 913 cán bộ quản lý, 9.179 giáo viên và 319 nhân viên. Riêng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập trong biên chế là 9.310 người (*gồm 864 cán bộ quản lý và 8.241 giáo viên*).

dục ngày càng được phát huy. Tuy nhiên, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh vẫn còn những hạn chế nhất định như: năng lực chuyên môn chưa đồng đều; hạn chế trong việc đổi mới phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và triển khai các phương pháp giáo dục tiên tiến.

Đối với các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập, đội ngũ giáo viên còn thiếu tính ổn định; điều kiện làm việc, chế độ, chính sách đối với giáo viên chưa thực sự hấp dẫn, dẫn đến khó khăn trong việc thu hút và giữ chân giáo viên có trình độ, kinh nghiệm.

3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục mầm non

Tính đến tháng 12/2025, toàn tỉnh có 2.580 phòng học mầm non, đạt tỷ lệ 50,06% phòng/nhóm, lớp⁴. Các trường mầm non công lập có 1.279/1.299 phòng học kiên cố; hiện còn 1.227 phòng học bán kiên cố và 44 phòng học tạm. Một số phòng học đã xuống cấp, chưa đáp ứng yêu cầu tổ chức học 2 buổi/ngày và ăn bán trú theo quy định.

Hệ thống các công trình phụ trợ phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ được đầu tư nhưng chưa đồng bộ; 213 trường, điểm trường chưa có bếp ăn hoặc bếp ăn chưa đạt tiêu chuẩn bếp một chiều; hệ thống nước sạch, công trình vệ sinh tại một số cơ sở giáo dục mầm non vùng khó khăn còn hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu về vệ sinh và an toàn trường học⁵.

Trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non đã được bổ sung nhưng chưa đáp ứng đủ yêu cầu thực tiễn. Toàn cấp học hiện có 2.926/5.154 nhóm, lớp có đủ bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo danh mục tối thiểu; còn 2.106/5.154 nhóm, lớp chưa đủ hoặc chưa đồng bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo quy định (*chiếm 40,86%*); nhiều thiết bị đã sử dụng lâu năm, bị hư hỏng, xuống cấp, cần phải bổ sung, thay thế. Số trường, điểm trường có đồ chơi ngoài trời còn hạn chế; hiện còn 59 điểm trường chưa có sân chơi, còn 914 điểm trường chưa có đồ chơi ngoài trời; còn 1.555 đồ chơi ngoài trời đã cũ cần được sửa chữa, thay mới.

Việc đầu tư các phòng chức năng, thư viện, phòng Ngoại ngữ - Tin học cho các cơ sở giáo dục mầm non còn gặp nhiều khó khăn. Hiện mới có 119/354 trường công lập có phòng thư viện theo quy định; số trường có phòng Ngoại ngữ – Tin học còn ít, chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục mầm non và từng bước thực hiện chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục.

⁴. Trong đó có 1.299 phòng học kiên cố, chiếm 50,2%, 44 phòng học tạm (1,7%)

⁵. Toàn tỉnh có 1.401 khối phòng hành chính; 2.189 khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; 139 bếp ăn hoạt động 1 chiều, 116 kho bếp; 236 khối phòng phụ trợ. Hiện còn thiếu 584 khối phòng hành chính, 553 khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, 213 bếp ăn 1 chiều, 192 kho bếp, 89 khối phòng phụ trợ.

4. Tiếp cận GDMN và nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non

Công tác huy động trẻ em trong độ tuổi mầm non đến trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang có nhiều chuyển biến tích cực. Trong năm học 2024-2025, tỷ lệ huy động trẻ mầm non của tỉnh cao hơn tỷ lệ bình quân cả nước, tỷ lệ huy động trẻ em là người dân tộc thiểu số đến trường đạt 81,8% (96.141/117.817 em), góp phần từng bước bảo đảm quyền được tiếp cận giáo dục của trẻ em trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, khả năng tiếp cận giáo dục mầm non của trẻ em trên địa bàn tỉnh còn chưa đồng đều giữa các vùng, địa phương. Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo 3, 4 tuổi ở một số xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn còn thấp; việc duy trì sĩ số và tỷ lệ chuyên cần của trẻ chưa thực sự bền vững.

Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ mầm non tiếp tục được cải thiện theo hướng bền vững. 100% cơ sở giáo dục mầm non tổ chức cho trẻ học 2 buổi/ngày; các cơ sở giáo dục mầm non tổ chức ăn bán trú, bảo đảm chế độ dinh dưỡng phù hợp với độ tuổi⁶. Tình trạng suy dinh dưỡng, thấp còi ở trẻ em mầm non tuy đã giảm qua các năm học nhưng tại các địa bàn khó khăn vẫn chưa có giải pháp khắc phục hiệu quả.

Công tác tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ được triển khai đúng chương trình, kế hoạch theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các cơ sở giáo dục mầm non thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo hướng lấy trẻ làm trung tâm; chú trọng giáo dục kỹ năng sống, hình thành nề nếp, thói quen và phát triển toàn diện các lĩnh vực cho trẻ. Hằng năm, kết quả đánh giá sự phát triển của trẻ theo các mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non đạt từ 89,5%; trẻ mẫu giáo 5 tuổi được chuẩn bị tốt về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - xã hội và thẩm mỹ, sẵn sàng vào học lớp Một. Tuy nhiên, chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non giữa các vùng còn có sự chênh lệch; một số cơ sở giáo dục mầm non chưa đáp ứng đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ giáo viên để tổ chức hiệu quả hoạt động bán trú, học 2 buổi/ngày và các hoạt động giáo dục theo yêu cầu phổ cập.

Công tác tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non là người dân tộc thiểu số được triển khai đồng bộ tại các cơ sở giáo dục mầm non ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Trẻ được làm quen với tiếng Việt thông qua các hoạt động học tập, vui chơi, sinh hoạt hằng ngày, góp phần nâng cao khả năng giao tiếp, tiếp thu chương trình học và giảm chênh lệch chất lượng giáo dục giữa các vùng, địa bàn. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận trẻ em là người dân tộc thiểu số chưa sõi tiếng Việt trước khi đến lớp, chiếm khoảng 25,3%, gây khó khăn trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục.

⁶. Trẻ em được cân, đo, khám sức khỏe định kỳ, theo dõi bằng biểu đồ tăng trưởng; công tác phòng, chống suy dinh dưỡng, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn trường học được quan tâm thực hiện. Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 2,2%; thể thấp còi 2,8%; thừa cân, béo phì 0,3%.

Năm học 2025-2026, 100% trường mầm non thực hiện cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh, bước đầu đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục mầm non trong bối cảnh hội nhập, tuy nhiên việc triển khai tiếng Anh mới được thí điểm trên phần mềm miễn phí và 100% các trường chưa có giáo viên tiếng Anh theo quy định.

Giáo dục STEAM⁷ được 100% các trường học chú trọng triển khai thực hiện thông qua việc lồng ghép các hoạt động khoa học, công nghệ, kỹ thuật, nghệ thuật và toán học vào chương trình chăm sóc, giáo dục trẻ phù hợp với độ tuổi. Nhiều cơ sở giáo dục đã chủ động đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động học, tăng cường cho trẻ trải nghiệm, khám phá, thực hành; từng bước khai thác, sử dụng hiệu quả các điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và nguyên vật liệu sẵn có tại địa phương.

5. Công tác phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi

Trong những năm qua, công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang luôn được xác định là nhiệm vụ chính trị quan trọng. Việc triển khai phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi được thực hiện đồng bộ, bài bản thông qua việc xây dựng kế hoạch hằng năm; tổ chức điều tra, rà soát đối tượng; huy động trẻ đến lớp; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị; bố trí, sắp xếp đội ngũ giáo viên và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với trẻ em và giáo viên mầm non theo quy định. Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả phổ cập được thực hiện thường xuyên, góp phần bảo đảm tính bền vững của kết quả phổ cập.

Toàn tỉnh có 100% xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi trong nhiều năm liên tục. 100% trẻ em 5 tuổi đến lớp, được học 2 buổi/ngày, hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non theo quy định và được chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết để sẵn sàng vào học lớp Một. Kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi đã tạo chuyển biến rõ nét về nhận thức của xã hội đối với giáo dục mầm non; thúc đẩy việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị; nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non; từng bước nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Đồng thời, công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi đã hình thành được hệ thống quản lý, theo dõi, kiểm tra, đánh giá tương đối đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở, tạo nền tảng vững chắc về tổ chức thực hiện và kinh nghiệm quản lý.

Tuy nhiên, việc duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi vẫn đặt ra yêu cầu tiếp tục đầu tư, củng cố các điều kiện bảo đảm, nhất là về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ giáo viên tại các điểm trường lẻ, vùng khó khăn; đồng thời cần phát huy tối đa những kết quả, kinh nghiệm đã đạt được để mở rộng triển khai phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo yêu cầu của Nghị quyết số 218/2025/QH15 của Quốc hội.

⁷. Viết tắt của từ: Science (Khoa học), Technology (Công nghệ), Engineering (Kỹ thuật), Art (Nghệ thuật) và Mathematics (Toán học).

II. ƯU ĐIỂM, HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Ưu điểm

Trong những năm qua, công tác phát triển giáo dục mầm non và phổ cập giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đã nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, xác định giáo dục mầm non là nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực và bảo đảm an sinh xã hội. Công tác phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương từng bước được tăng cường; việc xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch phát triển giáo dục mầm non được thực hiện tương đối đồng bộ.

Mạng lưới trường, lớp mầm non được quy hoạch, sắp xếp và củng cố theo hướng bao phủ rộng khắp, cơ bản đáp ứng nhu cầu đưa trẻ đến trường; kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi được duy trì vững chắc trong nhiều năm liền, tạo tiền đề quan trọng về tổ chức thực hiện, kinh nghiệm quản lý và huy động nguồn lực cho việc mở rộng phổ cập xuống các nhóm tuổi thấp hơn.

Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ mầm non từng bước được nâng lên; 100% các cơ sở giáo dục mầm non tổ chức cho trẻ học 2 buổi/ngày, ăn bán trú; công tác chăm sóc sức khỏe, bảo đảm an toàn cho trẻ được chú trọng. Các cơ sở giáo dục mầm non đã chủ động đổi mới phương pháp giáo dục theo hướng lấy trẻ làm trung tâm, triển khai hiệu quả các chương trình, đề án, đặc biệt là tăng cường tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; có phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao, tâm huyết với nghề; tích cực tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Công tác quản lý, chỉ đạo chuyên môn tại các cơ sở giáo dục mầm non từng bước được tăng cường, góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục mầm non được quan tâm đầu tư từ nhiều nguồn lực; điều kiện dạy học, chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ từng bước được cải thiện.

Công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi đã được triển khai thực hiện thành công, hiệu quả. Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp đạt và duy trì ở mức cao; chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ 5 tuổi ngày càng được nâng lên, tạo nền tảng vững chắc cho việc chuẩn bị tâm thế cho trẻ vào lớp Một.

2. Hạn chế, khó khăn

2.1. Hạn chế

Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi mầm non, đặc biệt là trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo 3, 4 tuổi, chưa thực sự bền vững, hiện vẫn còn khoảng 28,4% trẻ em mầm non chưa được huy động ra lớp; việc duy trì sĩ số và tỷ lệ chuyên cần ở một số cơ sở giáo dục mầm non chưa ổn định.

Mạng lưới trường, lớp mầm non còn phân tán, nhiều điểm trường lẻ, quy mô nhỏ; cơ sở vật chất tại một số cơ sở giáo dục mầm non chưa đáp ứng yêu cầu, vẫn còn phòng học bán kiên cố, phòng học tạm; thiếu phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ theo quy định.

Trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ chăm sóc, giáo dục trẻ tại nhiều cơ sở giáo dục mầm non chưa đáp ứng đầy đủ danh mục tối thiểu, còn thiếu và xuống cấp, ảnh hưởng đến chất lượng tổ chức các hoạt động giáo dục.

Đội ngũ giáo viên mầm non còn thiếu so với định mức quy định; năng lực chuyên môn của đội ngũ giáo viên chưa đồng đều, một bộ phận giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định.

Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ mầm non giữa các vùng, địa phương chưa đồng đều; vẫn còn tình trạng trẻ em chưa được chuẩn bị tốt về tiếng Việt trước khi vào lớp Một.

2.2. Khó khăn

Điều kiện kinh tế – xã hội của tỉnh còn nhiều khó khăn, đặc biệt tại các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn; địa bàn rộng, dân cư phân tán, giao thông đi lại khó khăn, ảnh hưởng đến việc huy động và duy trì trẻ đến lớp.

Nguồn lực đầu tư cho giáo dục mầm non còn hạn chế; kinh phí dành cho xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Việc bố trí đủ số lượng giáo viên theo định mức gặp nhiều khó khăn, nhất là tại các trường có nhiều điểm trường lẻ; công tác tuyển dụng, thu hút và giữ chân giáo viên mầm non công tác lâu dài tại vùng khó khăn còn nhiều bất cập.

Đội ngũ giáo viên tại các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập còn thiếu ổn định; điều kiện làm việc, chế độ chính sách còn hạn chế, gây khó khăn trong việc tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ.

Tỷ lệ trẻ em là người dân tộc thiểu số chưa thành thạo tiếng Việt còn tương đối cao; tình trạng suy dinh dưỡng, thấp còi tuy đã giảm nhưng tại một số địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa vẫn chiếm tỷ lệ cao, ảnh hưởng đến chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân khách quan

Tuyên Quang là tỉnh miền núi, địa bàn rộng, dân cư phân tán, tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số cao, nhiều xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn. Điều kiện đi lại, sinh hoạt của người dân còn hạn chế, ảnh hưởng trực tiếp đến việc huy động trẻ em trong độ tuổi mầm non, nhất là trẻ 3 và 4 tuổi, đến lớp học 2 buổi/ngày và ăn bán trú tại trường.

Nguồn lực đầu tư cho giáo dục mầm non còn hạn chế so với nhu cầu thực tế; việc cân đối ngân sách địa phương gặp khó khăn, trong khi nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, xây dựng trường, lớp và bổ sung giáo viên để đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non là rất lớn.

Việc phát triển cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập còn gặp nhiều khó khăn do điều kiện đầu tư và khả năng xã hội hóa tại địa phương còn hạn chế.

Nhận thức và điều kiện kinh tế của một bộ phận cha mẹ trẻ, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, còn nhiều khó khăn; thói quen chăm sóc trẻ tại gia đình đối với trẻ nhà trẻ, nhóm trẻ em 3 và 4 tuổi vẫn phổ biến, ảnh hưởng đến việc đưa trẻ đến lớp và duy trì sĩ số hằng năm.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

Công tác quy hoạch, sắp xếp mạng lưới trường, lớp mầm non ở một số địa bàn đang chịu sự tác động của việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, sáp nhập tỉnh; việc rà soát, dự báo nhu cầu đầu tư trường, lớp tại một số khu vực chưa sát thực tiễn.

Công tác quản lý biên chế, tuyển dụng và bố trí giáo viên mầm non còn gặp khó khăn; việc bảo đảm đủ giáo viên theo định mức tại các trường có nhiều điểm trường lẻ chưa đạt yêu cầu do thiếu nguồn tuyển giáo viên.

Việc huy động các nguồn lực xã hội đầu tư cho giáo dục mầm non chưa đạt hiệu quả cao; cơ chế khuyến khích xã hội hóa và chính sách hỗ trợ đối với các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập còn hạn chế, chưa đủ sức thu hút các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển giáo dục mầm non.

Công tác tuyên truyền, vận động về ý nghĩa, lợi ích của giáo dục mầm non đối với trẻ em từ 3 đến 5 tuổi tại một số địa bàn còn hạn chế; sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và chính quyền cơ sở trong việc huy động trẻ đến lớp còn chưa thường xuyên, ảnh hưởng đến tính bền vững của kết quả huy động trẻ mầm non ra lớp.

Phần thứ ba

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM TỪ 3 ĐẾN 5 TUỔI

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Trước năm 2030, tỉnh Tuyên Quang hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi; bảo đảm mọi trẻ em trong độ tuổi được tiếp cận giáo dục mầm non có chất lượng, được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trong môi trường an toàn, phù hợp với điều kiện của từng địa phương; góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bảo đảm an sinh xã hội và phát triển bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến năm 2028

a) Đối với xã, phường

- Tỷ lệ huy động trẻ em từ 3 đến 5 tuổi đến lớp đạt ít nhất 98,7%; đối với xã có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 85% (*chi tiết có Phụ lục số 02, 03 kèm theo*).

- Tỷ lệ trẻ em từ 3 đến 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non theo độ tuổi hằng năm đạt ít nhất 85%; đối với xã có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%.

- Bảo đảm 100% cơ sở giáo dục mầm non có đủ điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi theo quy định để tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.

- Bảo đảm các điều kiện tổ chức cho trẻ mẫu giáo học 2 buổi/ngày, ưu tiên các cơ sở giáo dục mầm non có đủ điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên.

b) Đối với tỉnh

Có ít nhất 80% số xã ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và ít nhất 90% số xã ở vùng còn lại được công nhận đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi (*chi tiết có Phụ lục số 04 kèm theo*).

2.2. Đến năm 2030

- Hoàn thiện quy mô, mạng lưới trường, lớp; bảo đảm huy động ít nhất 90% trẻ em từ 3 đến 5 tuổi đến lớp tại các xã có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn và 100% trẻ em từ 3 đến 5 tuổi tại các xã, phường còn lại.

- Nâng cao chất lượng giáo dục mầm non; bảo đảm 100% trẻ em mẫu giáo tại các cơ sở giáo dục mầm non được học 2 buổi/ngày theo Chương trình giáo dục mầm non; chuẩn bị tốt tâm thế, sẵn sàng cho trẻ em mẫu giáo 5 tuổi vào học lớp Một.

- Tỷ lệ trẻ em từ 3 đến 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non theo độ tuổi hằng năm đạt ít nhất 95%; đối với xã có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 85%, đối với các xã, phường còn lại đạt ít nhất 99%.

- Bảo đảm đủ số lượng giáo viên mầm non theo định mức quy định đối với lớp mẫu giáo (tối đa 2,2 giáo viên/lớp); 100% giáo viên mầm non đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định.

- Hoàn thiện điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị: bảo đảm 01 phòng học/lớp mẫu giáo, 100% phòng học kiên cố; có đủ phòng chức năng, thư viện, đồ chơi ngoài trời; 100% trường mầm non có bếp ăn vận hành theo quy trình một chiều, đủ nhà vệ sinh và công trình nước sạch theo quy định.

- 100% xã, phường trên địa bàn tỉnh được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi và duy trì bền vững kết quả đạt chuẩn.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền đối với công tác phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp; xác định phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi là nhiệm vụ chính trị quan trọng trong phát triển giáo dục, đào tạo và bảo đảm an sinh xã hội. Đưa các mục tiêu, chỉ tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi vào nghị quyết, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội hằng năm và giai đoạn của địa phương; bảo đảm sự thống nhất trong chỉ đạo, điều hành từ tỉnh đến cơ sở.

Phân công rõ trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương trong tổ chức triển khai thực hiện Đề án; tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện công tác phổ cập giáo dục mầm non. Thực hiện cơ chế phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc huy động trẻ em trong độ tuổi đến lớp, bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên và tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo thẩm quyền; kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện. Gắn kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non với công tác thi đua, khen thưởng, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị – xã hội trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân đưa trẻ em từ 3 đến 5 tuổi đến lớp; huy động sự tham gia của cộng đồng trong giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách về phổ cập giáo dục mầm non. Lồng ghép nội dung phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi với các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động ở cơ sở.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến nhiệm vụ phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, đảm bảo huy động trẻ em trong độ tuổi đến lớp

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, mục tiêu, ý nghĩa và lợi ích của việc phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, chính quyền địa phương, cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với công tác phổ cập giáo dục mầm non.

Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền phù hợp với từng nhóm đối tượng và điều kiện thực tế của địa phương; đẩy mạnh tuyên truyền thông qua hệ thống thông tin cơ sở, phương tiện thông tin đại chúng, cổng thông tin điện tử, mạng xã hội; lồng ghép nội dung tuyên truyền về phổ cập giáo dục mầm non vào các hội nghị, sinh hoạt chi bộ, họp thôn, tổ dân phố và các hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị – xã hội.

Tập trung tuyên truyền, vận động cha mẹ trẻ, người giám hộ, đặc biệt là tại các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn, khu vực đô thị, khu, cụm công nghiệp, nhận thức đầy đủ về vai trò của giáo dục mầm non đối với sự phát triển toàn diện của trẻ em; khuyến khích đưa trẻ em từ 3 đến 5 tuổi đến lớp và duy trì việc học tập thường xuyên.

Phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non, cán bộ thôn, tổ dân phố, người có uy tín trong cộng đồng trong công tác tuyên truyền, vận động trẻ em đến lớp; tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình và chính quyền cơ sở trong quản lý trẻ em trong độ tuổi phổ cập, kịp thời nắm bắt, hỗ trợ các trường hợp trẻ em có nguy cơ không đến lớp.

Gắn công tác tuyên truyền, vận động huy động trẻ em đến lớp với việc thực hiện các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với trẻ em mầm non và gia đình; kịp thời thông tin, hướng dẫn cha mẹ trẻ tiếp cận các chế độ, chính sách về hỗ trợ học tập, bán trú, dinh dưỡng, nhằm tạo điều kiện thuận lợi để trẻ em được đến trường đầy đủ, đúng độ tuổi.

3. Quy hoạch mạng lưới trường, lớp và đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học theo quy định

Rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện quy hoạch mạng lưới trường, lớp giáo dục mầm non phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất và quá trình sắp xếp đơn vị hành chính; bảo đảm bố trí đủ quỹ đất dành cho giáo dục mầm non theo quy định. Sắp xếp hợp lý mạng lưới trường, lớp gắn với phân bố dân cư, điều kiện địa hình và nhu cầu thực tế, ưu tiên các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, địa bàn đô thị, khu, cụm công nghiệp có gia tăng dân số cơ học (*chi tiết có Phụ lục số 05 kèm theo*).

Thực hiện đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất theo lộ trình. Xây mới, cải tạo khu vệ sinh khép kín cho các phòng học chưa có, theo quy định; xây mới, sửa chữa, bổ sung khối phòng hành chính, khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; phòng tổ chức nấu ăn, khối phòng phụ trợ, nhà công vụ cho giáo viên (*chi tiết có Phụ lục số 06 kèm theo*).

Rà soát, ưu tiên bố trí, chuyển đổi mục đích sử dụng các trụ sở, công trình công đôi dư do sắp xếp các đơn vị hành chính các cấp để cải tạo, sử dụng làm cơ sở giáo dục mầm non, bổ sung phòng học, phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ, nhằm tận dụng hiệu quả tài sản công, giảm áp lực đầu tư xây dựng mới, bảo đảm phù hợp với quy hoạch và điều kiện thực tế của địa phương.

Trang bị đầy đủ trang thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi theo danh mục tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; ưu tiên trang bị bộ thiết bị đồ dùng đồ chơi tối thiểu cho các lớp mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi để thực hiện Chương trình GDMN. Trang bị bộ đồ chơi ngoài trời để đảm bảo có 100% trường, điểm trường có sân chơi và đồ chơi ngoài trời (*chi tiết có Phụ lục số 07 kèm theo*).

Quan tâm đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và bảo đảm an toàn cho trẻ; bảo đảm các điều kiện về phòng cháy, chữa cháy, an toàn trường học, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm tại các cơ sở giáo dục mầm non. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc sử dụng, bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị; thực hiện bảo trì, sửa chữa kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng và kéo dài tuổi thọ công trình.

Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập; bố trí quỹ đất, thực hiện các cơ chế, chính sách ưu đãi theo quy định để thu hút các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, phát triển cơ sở giáo dục mầm non, đặc biệt tại khu vực đô thị, khu, cụm công nghiệp và những nơi có nhu cầu gửi trẻ cao.

4. Bố trí, sắp xếp đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý GDMN đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng

Rà soát, đánh giá thực trạng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh; xác định rõ nhu cầu về số lượng, cơ cấu và trình độ đào tạo theo quy mô nhóm, lớp, đặc biệt đối với các lớp mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi, làm căn cứ xây dựng kế hoạch bố trí, sắp xếp, tuyển dụng và đào tạo đội ngũ phù hợp với lộ trình thực hiện phổ cập giáo dục mầm non.

Thực hiện việc bố trí, sắp xếp giáo viên mầm non theo đúng định mức quy định; ưu tiên bố trí đủ giáo viên cho các lớp mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi tại các trường có nhiều điểm trường lẻ, các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn. Tuyển dụng giáo viên mầm non theo kế hoạch hằng năm. Phân đầu đến năm 2030 bảo đảm số lượng giáo viên đạt 2,2 giáo viên/lớp mẫu giáo (*chi tiết có Phụ lục số 08 kèm theo*).

Thực hiện hình thức hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP để khắc phục tình trạng thiếu giáo viên cục bộ trong thời gian chưa được giao đủ biên chế; ưu tiên hợp đồng, tuyển dụng đối với giáo viên là người địa phương. Làm tốt công tác điều động, luân chuyển giáo viên giữa các cơ sở giáo dục trong cùng địa bàn hoặc giữa các địa phương nhằm khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ; ưu tiên bố trí giáo viên cho các lớp học thuộc diện phổ cập.

Xây dựng kế hoạch đào tạo giáo viên giai đoạn 2026-2030 đảm bảo giáo viên giảng dạy theo lộ trình. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng chuẩn trình độ đào tạo cho giáo viên mầm non theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019; xây dựng lộ trình cụ thể để đến năm 2030 100% giáo viên mầm non đạt chuẩn trình độ đào tạo. Tổ chức đào tạo và cấp chứng chỉ tiếng Anh cho giáo viên mầm non trẻ đạt từ bậc 4 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng sư phạm, phương pháp giáo dục lấy trẻ làm trung tâm; chú trọng bồi dưỡng năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ 3–5 tuổi và năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, quản lý. Đẩy mạnh bồi dưỡng trực tuyến, sinh hoạt chuyên môn trực tuyến nhằm nâng cao hiệu quả bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên mầm non, đặc biệt tại các địa bàn khó khăn (*chi tiết có Phụ lục số 09 kèm theo*).

Nâng cao năng lực quản lý, chỉ đạo chuyên môn cho đội ngũ cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non; tổ chức bồi dưỡng về công tác quản trị nhà trường, quản lý chất lượng giáo dục, quản lý tài chính, cơ sở vật chất và triển khai hiệu quả công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục mầm non theo quy định, quan tâm chính sách hỗ trợ đối với giáo viên công tác tại vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, giáo viên trực tiếp tham gia phổ cập giáo dục mầm non; tạo điều kiện để giáo viên yên tâm công tác, gắn bó lâu dài với nghề.

Tăng cường quản lý, hướng dẫn, hỗ trợ đội ngũ giáo viên tại các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập; tạo điều kiện để giáo viên ngoài công lập được tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên mầm non ngoài công lập, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh.

5. Thực hiện hiệu quả chương trình, đổi mới phương pháp GDMN; nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ

Tổ chức thực hiện nghiêm túc, đầy đủ Chương trình giáo dục mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; bảo đảm việc triển khai chương trình phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý, độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của từng cơ sở giáo dục mầm non, từng địa bàn; chú trọng nhóm tuổi từ 3 đến 5 tuổi nhằm đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non.

Đẩy mạnh đổi mới phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng lấy trẻ làm trung tâm; tăng cường tổ chức cho trẻ học thông qua vui chơi, trải nghiệm, khám phá; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của trẻ; chú trọng giáo dục kỹ năng sống, hình thành thói quen, nề nếp, kỹ năng tự phục vụ và khả năng giao tiếp phù hợp với độ tuổi.

Tăng cường tổ chức các hoạt động giáo dục bảo đảm phát triển toàn diện cho trẻ trên các lĩnh vực: thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm – xã hội và thẩm mỹ; chú trọng giáo dục thể chất, nâng cao thể lực, phòng chống suy dinh dưỡng và các tai nạn thương tích; chuẩn bị tốt tâm thế cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp Một.

Đẩy mạnh thực hiện các nội dung giáo dục phù hợp với điều kiện từng vùng, từng đối tượng trẻ; tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non là người dân tộc thiểu số thông qua các hoạt động học tập, vui chơi, sinh hoạt hằng ngày; từng bước tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh và các hoạt động giáo dục bổ trợ phù hợp, bảo đảm không gây áp lực đối với trẻ.

Tổ chức hiệu quả các chuyên đề, mô hình giáo dục mầm non tiên tiến, các phong trào thi đua, hội thi chuyên môn nhằm nâng cao năng lực thực hiện chương trình và đổi mới phương pháp giáo dục của đội ngũ giáo viên; tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, chia sẻ kinh nghiệm, nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả trong giáo dục mầm non.

Tổ chức thành lập các cụm sinh hoạt chuyên môn giáo dục mầm non theo địa bàn liên xã, liên trường, bảo đảm mỗi cụm có quy mô phù hợp về số lượng trường, lớp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Thực hiện sinh hoạt chuyên môn cụm (*tối thiểu 02 lần/học kỳ*) theo hướng nghiên cứu bài học, dự giờ – rút kinh nghiệm, chia sẻ phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi. Bố trí kinh phí hỗ trợ, thực hiện chế độ bồi dưỡng trách nhiệm đối với tổ trưởng, giáo viên cốt cán tham gia điều hành, báo cáo chuyên đề, nhằm tạo động lực duy trì sinh hoạt chuyên môn thực chất, hiệu quả và bền vững.

Thành lập tổ tư vấn, hỗ trợ chuyên môn giáo dục mầm non cấp tỉnh, có trách nhiệm hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non trong xây dựng kế hoạch giáo dục, đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, đặc biệt đối với các cơ sở giáo dục mầm non ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Việc tư vấn, hỗ trợ được triển khai thông qua nhiều hình thức linh hoạt như: hỗ trợ trực tiếp tại cơ sở, sinh hoạt chuyên môn theo cụm, tư vấn trực tuyến; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Chương trình giáo dục mầm non và thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Triển khai 100% cơ sở giáo dục mầm non tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh theo lộ trình phù hợp, ưu tiên triển khai thông qua phần mềm, học liệu số, tài nguyên giáo dục miễn phí đối với các cơ sở chưa đủ điều kiện về đội ngũ giáo viên tiếng Anh. Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho giáo viên mầm non về phương pháp tổ chức hoạt động làm quen tiếng Anh cho trẻ. Từng bước chuẩn bị các điều kiện về đội ngũ, học liệu và cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng triển khai trong các giai đoạn tiếp theo.

Triển khai 100% cơ sở giáo dục mầm non triển khai thực hiện chương trình dinh dưỡng cho trẻ theo đúng quy định; áp dụng thống nhất thực đơn theo độ tuổi, bảo đảm cân đối dinh dưỡng, phù hợp với điều kiện thực tế và đặc điểm vùng miền. Đẩy mạnh ứng dụng phần mềm quản lý dinh dưỡng trong theo dõi khẩu phần ăn, tình trạng sức khỏe, chiều cao, cân nặng của trẻ. Tăng cường phối hợp giữa nhà trường, y tế học đường và cha mẹ trẻ trong công tác chăm sóc sức khỏe, phòng, chống suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi, thừa cân, béo phì; thực hiện cân đo, theo dõi biểu đồ tăng trưởng định kỳ cho 100% trẻ mầm non, kịp thời điều chỉnh chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp.

Chỉ đạo 100% cơ sở giáo dục mầm non tổ chức thực hiện giáo dục STEAM thông qua việc lồng ghép các nội dung khoa học, công nghệ, kỹ thuật, nghệ thuật và toán học vào Chương trình giáo dục mầm non, bảo đảm phù hợp với độ tuổi và điều kiện thực tế của từng cơ sở. Khuyến khích giáo viên khai thác vật liệu sẵn có tại địa phương, đồ dùng tái chế, đồ chơi tự làm để tổ chức các hoạt động trải nghiệm, khám phá cho trẻ. Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn về giáo dục STEAM cho đội ngũ giáo viên mầm non; xây dựng và lựa chọn các mô hình, chuyên đề STEAM tiêu biểu để chia sẻ, nhân rộng trong toàn tỉnh thông qua sinh hoạt chuyên môn theo cụm và các hội thi, diễn đàn chuyên môn.

Triển khai 100% cơ sở giáo dục mầm non lồng ghép giáo dục văn hóa truyền thống các dân tộc vào các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ, phù hợp với đặc điểm văn hóa của từng địa phương và đối tượng trẻ. Tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm như: trò chơi dân gian, dân ca, lễ hội truyền thống, trang phục dân tộc, ẩm thực truyền thống trong các hoạt động học tập và sinh hoạt hằng ngày của trẻ. Khuyến khích sự tham gia của cha mẹ trẻ, nghệ nhân, người có uy tín trong cộng đồng vào các hoạt động giáo dục văn hóa truyền thống tại nhà trường; qua đó góp phần hình thành cho trẻ ý thức trân trọng, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc ngay từ lứa tuổi mầm non.

Thực hiện thường xuyên công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non; kịp thời điều chỉnh nội dung, phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục cho phù hợp; tăng cường công tác tự đánh giá tại các cơ sở giáo dục mầm non nhằm không ngừng nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

6. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác quản lý nhà nước về giáo dục mầm non; xây dựng, khai thác và sử dụng hiệu quả các hệ thống cơ sở dữ liệu về giáo dục mầm non, bảo đảm kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và các hệ thống thông tin có liên quan; phục vụ công tác quản lý trẻ em trong độ tuổi phổ cập, quản lý mạng lưới trường, lớp, đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất. Triển khai phần mềm phổ cập giáo dục mầm non đảm bảo thống nhất, liên thông từ cấp trường, xã, cấp tỉnh.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành tại các cơ sở giáo dục mầm non; từng bước triển khai phần mềm quản lý trường học, quản lý hồ sơ trẻ em, quản lý đội ngũ giáo viên, quản lý tài chính, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học; nâng cao hiệu quả công tác thống kê, báo cáo, theo dõi, đánh giá việc thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ mầm non theo hướng phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi; triển khai phần mềm hỗ trợ giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục, tổ chức các hoạt động học tập, vui chơi, trải nghiệm phong phú, góp phần nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình giáo dục mầm non; triển khai phần mềm cho trẻ làm quen tiếng Anh ở những nơi không đủ điều kiện triển khai trực tiếp; tăng cường kho học liệu số dùng chung toàn tỉnh đảm bảo phong phú, chất lượng, phù hợp.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình; triển khai phần mềm thực hiện chương trình dinh dưỡng cho trẻ; ứng dụng các nền tảng số để trao đổi thông tin về tình hình chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, chế độ dinh dưỡng, sức khỏe, chuyên cần của trẻ; triển khai phần mềm xây dựng kế hoạch giáo dục, quản lý hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ và trao đổi thông tin giữa nhà trường với cha mẹ trẻ nhằm tăng cường sự tham gia, đồng hành của cha mẹ trẻ trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên giáo dục mầm non; khuyến khích giáo viên khai thác, sử dụng hiệu quả các học liệu số, tài nguyên giáo dục mở phục vụ hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tăng cường đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị số cho các cơ sở giáo dục mầm non theo lộ trình phù hợp; ưu tiên các trường mầm non tại địa bàn khó khăn; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân của trẻ em theo quy định của pháp luật (*chi tiết có Phụ lục số 10 kèm theo*).

7. Thực hiện tốt chính sách của trung ương và địa phương nhằm khuyến khích phát triển giáo dục mầm non

Tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời các chính sách của Trung ương về phát triển giáo dục mầm non theo quy định của pháp luật; bảo đảm việc thực hiện thống nhất, đúng đối tượng, đúng chế độ, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ mầm non, đặc biệt đối với trẻ em ở vùng có điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trẻ em thuộc đối tượng chính sách.

Rà soát, đánh giá việc thực hiện các chính sách hiện hành của tỉnh đối với giáo dục mầm non; kịp thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung hoặc ban hành mới các cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương nhằm khuyến khích phát triển giáo dục mầm non phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng cân đối ngân sách, bảo đảm tính khả thi và hiệu quả (*chi tiết có Phụ lục số 11 kèm theo*).

Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với trẻ em mầm non theo quy định, bao gồm các chính sách hỗ trợ ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập, chính sách đối với trẻ em là người dân tộc thiểu số, trẻ em thuộc hộ nghèo, cận nghèo và các đối tượng yếu thế khác; tạo điều kiện để mọi trẻ em trong độ tuổi được tiếp cận giáo dục mầm non bình đẳng, công bằng.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên giáo dục mầm non theo quy định của Trung ương và của tỉnh; quan tâm các chính sách thu hút, giữ chân giáo viên mầm non công tác tại vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn; khuyến khích đội ngũ yên tâm công tác, gắn bó lâu dài với nghề.

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn để các cơ sở giáo dục mầm non, cha mẹ trẻ và nhân dân nắm rõ, thực hiện đầy đủ các chính sách về giáo dục mầm non; bảo đảm công khai, minh bạch trong việc thực hiện chính sách; kịp thời giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

Thực hiện kiểm tra, giám sát việc triển khai các chính sách phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh; đánh giá hiệu quả tác động của chính sách đối với việc mở rộng khả năng tiếp cận giáo dục mầm non và nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân thực hiện tốt chính sách.

8. Huy động các nguồn lực xã hội để phát triển GDMN theo quy định của pháp luật

Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục mầm non theo chủ trương của Đảng và Nhà nước; huy động sự tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và cộng đồng xã hội trong đầu tư phát triển giáo dục mầm non, trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, bảo đảm công khai, minh bạch, tự nguyện và hiệu quả.

Tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách để khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, phát triển cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập, nhất là tại các khu đô thị, khu, cụm công nghiệp và những địa bàn có nhu cầu gửi trẻ cao; thực hiện đầy đủ các chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế, hỗ trợ đầu tư theo quy định nhằm thu hút nguồn lực xã hội tham gia phát triển giáo dục mầm non.

Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị sử dụng nhiều lao động tham gia đầu tư, hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non cho con em người lao động thông qua các hình thức phù hợp như: xây dựng trường, lớp mầm non; hỗ trợ kinh phí, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi; phối hợp tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em theo quy định.

Huy động sự đóng góp hợp pháp của cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc cải thiện điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ mầm non tại các cơ sở giáo dục, bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, đúng quy định của pháp luật; không gây áp lực hoặc phát sinh các khoản thu trái quy định.

Tăng cường lồng ghép, sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án, viện trợ, tài trợ hợp pháp của các tổ chức trong và ngoài nước cho phát triển giáo dục mầm non; ưu tiên đầu tư cho các địa bàn khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa và các nhóm đối tượng yếu thế.

Thực hiện công tác quản lý, giám sát chặt chẽ việc huy động, tiếp nhận và sử dụng các nguồn lực xã hội cho giáo dục mầm non; bảo đảm đúng mục đích, hiệu quả, công khai, minh bạch; kịp thời biểu dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có đóng góp tích cực cho sự nghiệp phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh.

Phần thứ tư KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí

- Ngân sách địa phương: Nguồn chi thường xuyên sự nghiệp giáo dục đào tạo; vốn đầu tư công; vốn chi thường xuyên lồng ghép từ nguồn vốn trong các chương trình, đề án, dự án liên quan được cấp có thẩm quyền giao trong kế hoạch hằng năm theo phân cấp quản lý hiện hành.

- Nguồn xã hội hóa và các nguồn kinh phí tài trợ từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo đúng quy định của pháp luật.

2. Việc lập và triển khai thực hiện kế hoạch tài chính cho các nhiệm vụ của Chương trình thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định của pháp luật có liên quan.

Phần thứ năm

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, đôn đốc các sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo lộ trình đã đề ra; bảo đảm thống nhất, đồng bộ trong toàn tỉnh.

Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổ chức điều tra, rà soát, cập nhật đầy đủ, chính xác số liệu về trẻ em trong độ tuổi từ 3 đến 5 tuổi; tình hình mạng lưới trường, lớp, cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ giáo viên mầm non; làm căn cứ cho công tác quy hoạch, bố trí nguồn lực và đánh giá kết quả phổ cập giáo dục mầm non.

Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non; chỉ đạo các cơ sở giáo dục mầm non đổi mới phương pháp giáo dục theo hướng lấy trẻ làm trung tâm; nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Tham gia xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác điều tra, kiểm tra, đánh giá công nhận phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi của địa phương. Tham mưu xây dựng kinh phí duy trì, nâng cấp, vận hành hệ thống hằng năm.

Quản lý, sử dụng biên chế ngành giáo dục theo đúng chức năng, nhiệm vụ quy định tại Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 02/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan tham mưu việc bố trí, sắp xếp, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục mầm non theo định mức và lộ trình của Đề án; đề xuất các giải pháp bảo đảm đủ số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên mầm non.

Hằng năm, chủ trì rà soát, tổng hợp nhu cầu, lập dự toán kinh phí triển khai thực hiện Đề án gửi Sở Tài chính thẩm định để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tham mưu bố trí, lồng ghép các nguồn lực đầu tư cho giáo dục mầm non; xây dựng nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án hằng năm và giai đoạn; theo dõi, giám sát việc sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả.

Chủ trì tổ chức công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo quy định; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo về tình hình, kết quả thực hiện Đề án; kịp thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với thực tiễn.

Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý và tổ chức hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

2. Sở Nội vụ

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sắp xếp tổ chức bộ máy ngành Giáo dục (trong đó có giáo dục mầm non), bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; đề xuất phương án giao, điều chỉnh biên chế phù hợp với lộ trình thực hiện Đề án.

Tham mưu việc tuyển dụng, bố trí, sử dụng đội ngũ giáo viên mầm non bảo đảm đủ số lượng, hợp lý về cơ cấu; hướng dẫn việc thực hiện các hình thức hợp đồng lao động theo quy định nhằm khắc phục tình trạng thiếu giáo viên mầm non cục bộ trong thời gian chưa được giao đủ biên chế.

Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh việc thực hiện các chính sách về tiền lương, phụ cấp, chế độ, chính sách ưu đãi đối với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên giáo dục mầm non theo quy định của Trung ương và của tỉnh; đề xuất các chính sách đặc thù nhằm thu hút, giữ chân giáo viên mầm non, nhất là tại các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Tham gia công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý biên chế, vị trí việc làm, chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên giáo dục mầm non; kịp thời phát hiện, tham mưu xử lý hoặc đề xuất xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các xã, phường và các đơn vị liên quan thẩm định, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Đề án theo phân cấp ngân sách hiện hành, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương. Lồng ghép với các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đẩy mạnh cơ chế xã hội hóa, bảo đảm minh bạch, hiệu quả, phù hợp thực tiễn của tỉnh

4. Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh; tăng cường công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến an toàn trường học, xâm hại trẻ em, bạo lực học đường, mất an ninh trật tự tại khu vực trường mầm non, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

Phối hợp với ngành Giáo dục và Đào tạo, chính quyền địa phương hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; bảo đảm an toàn giao thông khu vực cổng trường; an toàn trong đưa đón trẻ, nhất là tại địa bàn đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư đông đúc.

Chủ động phối hợp trong việc kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu dân cư phục vụ công tác thống kê, quản lý trẻ em trong độ tuổi mầm non; hỗ trợ xác thực thông tin dân cư, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu phổ cập giáo dục mầm non gắn với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị liên quan trong công tác hỗ trợ phát triển hạ tầng số; phối hợp triển khai chuyển đổi số trong giáo dục, đào tạo; bảo đảm kết nối Internet đồng bộ cho 100% cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh, phục vụ hiệu quả công tác giáo dục và đào tạo nói chung và công tác phổ cập giáo dục nói riêng.

6. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức tuyên truyền, vận động các gia đình, cộng đồng, cơ quan về mục tiêu, lợi ích và tham gia tích cực đối với công tác phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Định hướng các cơ quan báo chí, truyền thông của tỉnh và hệ thống thông tin cơ sở thông tin, tuyên truyền về mục tiêu phổ cập giáo dục trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tăng cường tuyên truyền về công tác phổ cập giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng.

7. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo về công tác thực hiện quy hoạch và tạo lập quỹ đất để bố trí đất dành cho các sở giáo dục; xem xét tháo gỡ những khó khăn vướng mắc về đất đai tại các cơ sở giáo dục trong tỉnh theo quy định để đảm bảo các điều kiện cho công tác phổ cập giáo dục. Tăng cường quản lý môi trường học đường, bảo đảm không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn, thân thiện.

8. Sở Xây dựng

Rà soát, tham mưu quy hoạch, kiến trúc, cải tạo hoặc xây dựng mới cơ sở giáo dục theo chuẩn hóa, hiện đại hóa. Bảo đảm an toàn giao thông quanh trường học.

9. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh về việc lồng ghép các nguồn lực của các chương trình mục tiêu và các chương trình đề án phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi vào kế hoạch triển khai Đề án phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị, địa phương trong việc triển khai thực hiện các chính sách cho các đối tượng trẻ em, cán bộ quản lý, giáo viên người dân tộc thiểu số và các cơ sở giáo dục mầm non vùng đồng bào dân tộc thiểu số để thực hiện Đề án.

10. Báo và Phát thanh Truyền hình Tuyên Quang

Xây dựng chuyên mục, chuyên đề tuyên truyền về phát triển giáo dục. Đa dạng hóa hình thức thông tin, phản ánh kịp thời kết quả, mô hình hay, nhân tố mới trong tổ chức thực hiện Đề án.

11. Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

Chủ trì định hướng công tác tuyên truyền, quán triệt Đề án trong hệ thống chính trị đảm bảo thống nhất, hiệu quả.

12. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Tham gia tích cực vào việc phát triển giáo dục mầm non; tăng cường tuyên truyền, vận động Nhân dân đưa trẻ em trong độ tuổi đến lớp và phối hợp tổ chức thực hiện hiệu quả Đề án. Chỉ đạo các tổ chức thành viên đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; gắn nội dung phổ cập giáo dục mầm non với các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì, phát động.

13. Ủy ban nhân dân xã, phường

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi của xã, phường. Đưa mục tiêu nhiệm vụ thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi vào các văn kiện Đảng, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, kế hoạch phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của địa phương hằng năm và giai đoạn. Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, tạo điều kiện và hỗ trợ khuyến khích các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đầu tư xây dựng phát triển GDMN.

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo phân cấp, phân quyền trong việc đảm bảo đủ trường, lớp, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đội ngũ giáo viên, công chức và các chế độ chính sách đối với các đối tượng theo quy định để thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Tổ chức điều tra, rà soát, cập nhật đầy đủ số trẻ em trong độ tuổi; tăng cường phối hợp giữa nhà trường, công an, thôn, tổ dân phố để bảo đảm số liệu chính xác, đồng bộ; xây dựng kế hoạch huy động trẻ đến lớp phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng địa bàn; phân công trách nhiệm cụ thể cho từng tổ chức, cá nhân trong việc theo dõi, vận động và hỗ trợ trẻ em đến lớp. Tuyên truyền, vận động các tổ chức và cá nhân phối hợp với các cơ sở GDMN trên địa bàn huy động trẻ em ra lớp, thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện Đề án tại địa phương, định kỳ báo cáo kết quả về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

14. Các cơ sở giáo dục mầm non

Quán triệt và triển khai Đề án; xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai hằng năm và theo từng giai đoạn cụ thể, gắn với nhiệm vụ, giải pháp của ngành và điều kiện thực tế của đơn vị. Chủ động lồng ghép nội dung Đề án vào kế hoạch năm học, kế hoạch phát triển nhà trường.

Tham mưu cho chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp để đảm bảo các điều kiện thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; tích cực phối hợp trong công tác truyền thông, tạo lan tỏa trong cán bộ, giáo viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng xã hội./.
